

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN - TNHH MTV
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2022

Tháng 7 năm 2022

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho Ông Trương Đức Hùng - Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty để ký Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 theo Thư ủy quyền ngày 26/10/2021.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, Chúng tôi phê chuẩn Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 06 đến trang 49 Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30/06/2022 cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Trương Đức Hùng
Phó Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 07 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30/06/2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.448.525.314.558	3.867.289.030.100
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	463.602.996.381	545.154.561.275
Tiền	111		329.546.183.607	267.126.561.275
Các khoản tương đương tiền	112		134.056.812.774	278.028.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	2.566.841.712.774	2.462.926.800.805
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		2.566.841.712.774	2.462.926.800.805
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.037.403.188.529	674.874.380.782
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	414.160.925.772	342.476.227.730
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		281.678.081.253	91.470.538.315
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	410.892.329.862	306.367.760.583
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(69.328.148.358)	(65.440.145.846)
Hàng tồn kho	140		19.185.582.434	59.615.448.209
Hàng tồn kho	141		19.185.582.434	59.615.448.209
Tài sản ngắn hạn khác	150		361.491.834.440	124.717.839.029
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	266.589.056.154	33.509.113.825
Thuế GTGT được khấu trừ	152	14	84.337.341.379	79.752.881.874
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	10.565.436.907	11.455.843.330
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.927.193.814.061	6.905.037.093.206
Các khoản phải thu dài hạn	210		54.964.787.516	51.956.835.665
Phải thu dài hạn khác	216	7	54.964.787.516	51.956.835.665
Tài sản cố định	220		2.524.922.266.747	1.873.637.929.309
Tài sản cố định hữu hình	221	9	2.351.270.450.382	1.696.831.751.124
- Nguyên giá	222		5.100.958.036.493	4.401.549.389.780
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.749.687.586.111)	(2.704.717.638.656)
Tài sản cố định vô hình	227	10	173.651.816.365	176.806.178.185
- Nguyên giá	228		280.068.349.058	279.550.749.058
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(106.416.532.693)	(102.744.570.873)
Bất động sản đầu tư	230	11	7.841.413.392	8.945.974.392
- Nguyên giá	231		89.211.835.425	89.211.835.425
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(81.370.422.033)	(80.265.861.033)
Tài sản dở dang dài hạn	240		618.717.787.629	1.258.075.266.194
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	618.717.787.629	1.258.075.266.194

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Tại ngày 30/06/2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	3.631.798.346.055	3.626.108.535.789
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		2.936.067.393.561	2.929.685.975.682
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		738.397.870.459	738.397.870.459
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(42.666.917.965)	(41.975.310.352)
Tài sản dài hạn khác	260		88.949.212.722	86.312.551.857
Chi phí trả trước dài hạn	261	8	88.949.212.722	86.309.551.857
Tài sản dài hạn khác	268		-	3.000.000
TỔNG TÀI SẢN	270		11.375.719.128.619	10.772.326.123.306

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Tại ngày 30/06/2022

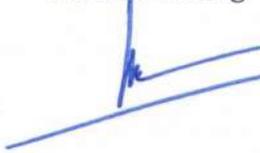
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		2.594.562.330.862	1.818.491.786.717
Nợ ngắn hạn	310		2.150.790.669.870	1.424.906.371.044
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	350.604.984.457	244.061.368.388
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		421.346.500.957	166.424.534.019
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	208.849.795.741	166.668.048.484
Phải trả người lao động	314		91.508.936.275	124.853.977.719
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		307.616.326.710	76.557.827.167
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		116.313.310.951	104.830.593.503
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	223.751.295.806	195.217.220.403
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	49.318.446.502	61.699.540.758
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		381.481.072.471	284.593.260.603
Nợ dài hạn	330		443.771.660.992	393.585.415.673
Phải trả người bán dài hạn	331	13	800.000	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		1.746.763.638	-
Phải trả dài hạn khác	337	15	117.577.644.181	85.516.916.338
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	176.632.981.695	171.320.837.616
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	341		113.266.555.478	101.709.444.137
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		34.546.916.000	35.038.217.582
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		8.781.156.797.757	8.953.834.336.589
Vốn chủ sở hữu	410	17	8.781.156.797.757	8.953.834.336.589
Vốn góp của chủ sở hữu	411		6.410.755.000.000	6.410.755.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu	411a		6.410.755.000.000	6.410.755.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		421.550.729.181	421.550.729.181
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		4.270.291	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.049.293.673.154	775.856.384.096
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		172.570.448.782	599.419.859.021
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		163.627.732.418	1.065.738.688.573
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.942.716.364	(466.318.829.552)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		726.982.676.349	746.252.364.291
TỔNG NGUỒN VỐN	440		11.375.719.128.619	10.772.326.123.306

Người lập biểu



Trần Văn Huy

Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Tuệ

TP Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 07 năm 2022

Phó Tổng Giám đốc



Trương Đức Hùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
			đến 30/06/2022	đến 30/06/2021
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	1.378.423.366.029	703.791.967.006
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		107.767.000	87.834.409
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.378.315.599.029	703.704.132.597
Giá vốn hàng bán	11	20	1.295.197.707.513	725.131.452.516
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		83.117.891.516	(21.427.319.919)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	64.526.589.538	50.518.062.267
Chi phí tài chính	22	22	10.028.733.135	8.813.265.828
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.091.802.942	8.732.559.736
Lãi/lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(42.774.310.935)	30.115.181.078
Chi phí bán hàng	25	23	32.466.965.470	26.065.201.903
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	157.620.383.050	146.226.016.647
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(9.697.289.666)	(182.128.923.108)
Thu nhập khác	31	24	18.588.574.123	6.619.058.533
Chi phí khác	32	25	2.599.547.839	409.548.098
Lợi nhuận khác	40		15.989.026.284	6.209.510.435
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.291.736.618	(175.919.412.673)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	3.443.303.771	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		11.598.533.485	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(8.750.100.638)	(175.919.412.673)
Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty	61		10.523.624.184	(142.097.018.879)
Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		(19.273.724.822)	(33.822.393.794)

Người lập biểu

Trần Văn Huy

Kế toán trưởng

Nguyễn Quốc Tuệ

TP Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 07 năm 2022

Phó Tổng Giám đốc



Trương Đức Hùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Chi tiêu	Mã Thuyết số minh	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
		đến 30/06/2022 VND	đến 30/06/2021 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	(8.750.100.638)	(175.919.412.673)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	75.570.823.300	73.705.997.681
Các khoản dự phòng	03	4.579.610.125	(541.883.392)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(94.742.115.408)	(20.218.926.390)
Chi phí lãi vay	06	9.091.802.942	8.732.559.736
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(14.249.979.679)	(114.241.665.038)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(341.678.301.510)	185.239.932.792
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	40.429.865.775	27.666.512.298
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	540.033.257.607	25.513.501.500
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(235.719.603.194)	(15.003.010.027)
Tiền lãi vay đã trả	14	(3.378.532.102)	(5.755.115.255)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(478.629.196)	(150.000.000)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(42.823.182.194)	(21.535.900.201)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(57.865.104.493)	81.734.256.069
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(117.297.294.643)	(233.130.276.884)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.481.247.138	961.120.910
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.352.975.962.000)	(4.246.183.282.958)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.357.334.530.411	3.864.755.223.978
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	93.260.868.270	278.717.103.384
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(18.196.610.824)	(334.880.111.570)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
			đến 30/06/2022	đến 30/06/2021
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33		1.556.667.351	20.282.424.839
Tiền trả nợ gốc vay	34		(7.046.516.928)	(20.606.708.772)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(31.498.321.427)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.489.849.577)	(31.822.605.360)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(81.551.564.894)	(284.968.460.861)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	545.154.561.275	1.093.590.464.584
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	463.602.996.381	808.622.003.723

TP Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 07 năm 2022

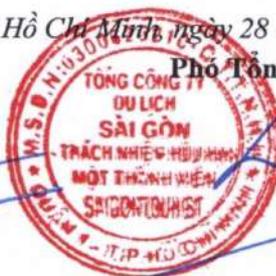
Người lập biểu

Trần Văn Huy

Kế toán trưởng

Nguyễn Quốc Tuệ

Phó Tổng Giám đốc



Trương Đức Hùng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn — TNHH Một thành viên (“Tổng Công ty”) là doanh nghiệp nhà nước hạch toán kinh tế độc lập, được thành lập theo Quyết định số 1833/QĐ-UB-KT ngày 31 tháng 3 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và được chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con theo Quyết định số 3665/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh.

Theo Quyết định số 3137/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn hoạt động theo mô hình công ty mẹ - Công ty con thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo hình thức công ty mẹ - Công ty con, Tổng Công ty đã chính thức chuyển sang mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên kể từ ngày 01 tháng 09 năm 2010 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300625210 ngày 01 tháng 09 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 17 tháng 12 năm 2019, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Tổng Công ty có trụ sở chính đặt tại số 23 Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30/06/2022 là 4156 người (tại ngày 31/12/2021 là 4.139 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, tổ chức các cuộc hội thảo, hội nghị quốc tế;
- Dịch vụ vũ trường, sauna – massage, karaoke, nhà hàng có ca nhạc, business center, đại lý bán vé, giữ chỗ máy bay quốc nội và quốc ngoại, salon de beauty (chăm sóc sắc đẹp), cắt, uốn tóc, cho thuê xe, giữ xe hồ bơi, du thuyền trên sông Sài Gòn, giặt ủi, làm sạch hàng may công nghiệp, may trang bị và trang phục cho khách sạn, các mặt hàng khăn dệt, nhuộm một số mặt hàng may công nghiệp, gia công chế biến các mặt hàng inox phục vụ cho các nhà hàng, khách sạn;
- Dịch vụ ăn uống cố định, lưu động và theo hợp đồng;
- Kinh doanh vui chơi, giải trí, bãi tắm biển;
- Kinh doanh, khai thác dịch vụ cảng sông;
- Dịch vụ cảng và bến cảng;
- Cung cấp nước ngọt, xăng dầu cho tàu thuyền;
- Dịch vụ vận tải đường thủy;
- Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải;
- Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài (tại Khách sạn Cửu Long, khách sạn Đồng Khởi, khách sạn Bến Thành và khách sạn Đệ Nhất) thuộc hệ thống khách sạn của Tổng Công ty;
- Các dịch vụ cung ứng theo nhu cầu khách hàng: thông tin, giao dịch, thương mại, bán hàng miễn thuế, tiếp thị, văn hóa thể thao, chuyên tiễn kiều hối, tư vấn đầu tư;
- Đại lý ký gửi hàng hóa, thu đổi ngoại tệ;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Dịch vụ quảng cáo, trưng bày, giới thiệu hàng hóa;
- Lữ hành nội địa, quốc tế, vận chuyển khách du lịch;
- Vận chuyển khách du lịch bằng đường thủy;
- Vận tải hàng hóa và hành khách đường thủ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH (TIẾP)

- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Kinh doanh địa ốc, dịch vụ nhà đất;
- Cho thuê kho bãi, nhà, ki-ốt, quầy sạp, cửa hàng kinh doanh, căn hộ, văn phòng;
- Kinh doanh taxi; Mua bán phụ tùng xe ô tô các loại, xe hơi với hình thức làm đại lý cho các hãng nước ngoài;
- Sửa chữa, bảo trì ô tô, tàu du lịch;
- Sản xuất nước đá; Sản xuất, chế biến thực phẩm bánh kem, bánh trung thu, bánh mì, bánh ngọt, kẹo, thực phẩm khô các loại;
- Sản xuất nước tinh khiết;
- Mở trường đào tạo về chuyên ngành du lịch, dạy lái xe, dạy nghề về xuất khẩu lao động và xuất khẩu lao động;
- Thiết kế thi công, sửa chữa, trang trí nội, ngoại thất, khách sạn, nhà hàng;
- Mua bán rau quả, hải sản chế biến, hàng thủ công mỹ nghệ, thiết bị vật tư, hàng hóa tiêu dùng, hóa chất;
- Mua bán thức ăn gia súc, tôm cá, nông sản các loại (trừ gạo), gas các loại, điện thoại, máy fax, điện thoại di động, mobicard, các loại hoa, lá, cây cảnh, các loại gạch, ngói xây dựng, các sản phẩm dệt và may mặc, túi xách, cặp, vali bằng các loại vải, da, giả da, giày dép các loại, các sản phẩm bằng gỗ đã chế biến;
- Mua bán các mặt hàng công nghệ phẩm tiêu dùng, rượu, bia các loại (kể cả làm đại lý), chế biến bia tươi, thuốc lá điếu sản xuất trong nước;
- Mua bán hàng tiêu thủ công mỹ nghệ, vàng bạc, đá quý;
- Đại lý bảo hiểm; và Đại lý bán vé tàu hỏa.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty có 13 chi nhánh là các đơn vị hạch toán phụ thuộc như sau:

- Khách sạn Bến Thành;
- Khách sạn Cửu Long;
- Khách sạn Đồng Khởi;
- Khách sạn Hoàn Cầu;
- Khách sạn Đệ Nhất;
- Khách sạn Kim Đô;
- Khách sạn Oscar Sài Gòn;
- Khách sạn Đồng Khánh;
- Khách sạn Thiên Hồng;
- Làng du lịch Bình Quới;
- Trường trung cấp Du lịch Khách sạn Saigontourist;
- Chi nhánh Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn TNHH Một thành viên tại Côn Đảo; và
- Chi nhánh Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn TNHH Một thành viên tại Móng Cái.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty có 11 công ty con và 29 công ty liên doanh, liên kết.